

Biểu số 01

DANH MỤC DỰ ÁN DO CẤP TỈNH QUẢN LÝ CHƯA GIẢI NGÂN HẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGÂN SÁCH NĂM 2022

(Kèm theo Tờ trình số 39 /TTr-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2022	Thực hiện giải ngân đến ngày 31/01/2023	Vốn còn lại chưa giải ngân	Ghi chú	
					Số QĐ, ngày tháng năm	TMDT					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					Trong đó: vốn NS Tỉnh
	TỔNG SỐ (I+II+III+IV+V)					1,660,378	978,904	247,359	173,735	73,624	
I	NGUỒN CĂN ĐỐI NSDP THEO TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC QUY ĐỊNH TẠI QĐ 26/2020/QĐ-TTG (NGUỒN XÂY DỰNG CƠ BẢN VỐN TẬP TRUNG TRONG NƯỚC)					1,185,343	747,160	188,670	126,029	62,641	
I.1	BỐ TRÍ ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN ODA					592,946	154,763	16,837	6,326	10,512	
1	Đối ứng dự án Chuyển đổi nông nghiệp bền vững (Vnsat)	Sở Nông nghiệp và PTNT	7555168	Toàn tỉnh	1992-29/05/2015; 642-3/3/2020; 2470-30/6/2020; 2988-6/8/2020	158,299	41,298	6,359	6,326	33	
2	Đối ứng dự án Hồ chứa nước Đăk Pokei (giai đoạn 1)	BQL dự án đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT	7684480	Kon Rẫy, Kon Tum	1211-31/10/2018	434,647	113,465	10,478		10,478	
I.2	NHIỆM VỤ QUY HOẠCH / NHIỆM VỤ KHÁC					58,748	58,748	23,218	985	22,233	
1	Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2020-2030 và định hướng đến năm 2050	Sở Kế hoạch và Đầu tư	7767694	Toàn tỉnh	752-05/8/2020	58,748	58,748	23,218	985	22,233	
I.3	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ					167,890	167,890	550	188	362	
1	Chốt dân quân thường trực xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	7004686	Ia H'Drai	628-24/9/2021	4,600	4,600	50	30	20	
2	Chốt dân quân thường trực xã Ia Tơi, huyện Ia H'Drai	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	7004686	Ia H'Drai	629-24/9/2021	5,400	5,400	50	30	20	
3	Chốt dân quân thường trực xã Mô Rai, huyện Sa Thầy	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	7004686	Sa Thầy	630-24/9/2021	5,700	5,700	50	30	20	
4	Đầu tư hệ thống thiết bị xe truyền hình lưu động tiêu chuẩn HD	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	7955357	Kon Tum	409-14/5/2021	25,282	25,282	250		250	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2022	Thực hiện giải ngân đến ngày 31/01/2023	Vốn còn lại chưa giải ngân	Ghi chú
					Số QĐ, ngày tháng năm	TMDT					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS Tỉnh				
5	Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Kon Tum	Sở Thông tin và Truyền thông	7955842	Kon Tum	1216-23/12/2021	26,910	26,910	100	98	2	
6	Nâng cấp, bổ sung các trang thiết bị quan trắc môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	7956583	Kon Tum	397-24/4/2020	99,998	99,998	50		50	
I.4	TRẢ NỢ QUYẾT TOÁN CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH	Các chủ đầu tư						1,000	707	293	
I.5	THỰC HIỆN DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NSĐP					365,759	365,759	147,065	117,824	29,241	
a)	<i>Dự án chuyển tiếp</i>					176,173	176,173	81,050	70,234	10,816	
1	Đường hầm Sở chỉ huy cơ bản huyện Ngọc Hồi	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	7004686	Ngọc Hồi	192-08/02/2017	32,978	32,978	3,200	2,775	425	
2	Nạo vét lòng hồ cung cấp nước cho Nhà máy nước sạch Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y (Hồ Lạc Long Quân)	Công ty Đầu tư phát triển hạ tầng Khu kinh tế tỉnh	7910485	Ngọc Hồi	1110-10/11/2020; 686-02/8/2021	14,997	14,997	10,850	10,626	224	
3	Xây dựng mới hội trường Tỉnh ủy, các phòng họp và Trụ sở làm việc các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy	Văn phòng Tỉnh ủy	7896024	Kon Tum	438-21/5/2021	128,198	128,198	67,000	56,834	10,166	
b)	<i>Dự án khởi công mới năm 2022</i>					189,586	189,586	66,015	47,590	18,425	
(1)	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong năm 2022					21,500	21,500	17,960	11,926	6,034	
1	Cải tạo, sửa chữa phòng thí nghiệm, kiểm định và mua sắm thiết bị tại Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Dịch vụ khoa học và công nghệ tỉnh Kon Tum	Sở Khoa học và Công nghệ	7931310	Kon Tum	624-01/12/2021	13,000	13,000	11,592	5,777	5,815	
2	Trụ sở Hạt Kiểm lâm huyện Ia H'Drai	Chi cục Kiểm lâm	7898807	Ia H'Drai	621-01/12/2021	8,500	8,500	6,368	6,150	219	
(2)	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng sau năm 2022					168,086	168,086	48,054	35,663	12,391	
1	Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Kon Tum	Sở Nội vụ	7551864	Kon Tum	1044-10/11/2021	39,098	39,098	10,000	9,982	18	
2	Trung tâm Văn hóa nghệ thuật tỉnh Kon Tum	Sở Văn hóa, Thể thao và du lịch	7863854	Kon Tum	632-03/12/2021	90,000	90,000	3,000	2,350	650	
3	Đài quan sát chuyên trách 13K5-4 phòng không nhân dân huyện Ngọc Hồi	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	7004686	Ngọc Hồi	17-11/3/2022	3,760	3,760	3,710	1,754	1,956	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2022	Thực hiện giải ngân đến ngày 31/01/2023	Vốn còn lại chưa giải ngân	Ghi chú	
					Số QĐ, ngày tháng năm	TMĐT					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					Trong đó: vốn NS Tỉnh
4	Bổ sung cơ sở vật chất cho Trường Trung học phổ thông Lương Thế Vinh, huyện Đăk Glei	Sở Giáo dục và Đào tạo	7898792	Đăk Glei	41-02/3/2022	6,470	6,470	5,831	4,731	1,100	
5	Mua sắm trang thiết bị; cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc; xây mới nhà trực, ga ra xe, cổng tường rào tại Trụ sở Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	7946980	Kon Tum	894-29/9/2021; 23/QĐ-SKHĐT, 27/01/2022	3,720.00	3,720	1,513	1,385	128	
6	Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin cho các cơ quan Đảng tỉnh	Văn phòng Tỉnh ủy	7896025	Kon Tum	NQ 05-12/3/2021; 273-15/4/2022	25,038.00	25,038	24,000	15,462	8,538	
II	NGUỒN THU SỐ KIẾN THIẾT					209,990	158,399	41,695	32,918	8,777	
II.1	LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP					130,894	79,303	34,093	32,743	1,350	
1	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2, lớp 6 cho các cơ sở giáo dục thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018	Sở Giáo dục và Đào tạo	7898791	Toàn tỉnh	864-16/9/2021	101,591	50,000	5,368	5,175	193	
2	Cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất cho Trường Phổ thông trung học Dân tộc nội trú tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	7898796	Kon Tum	44-11/3/2022	9,303	9,303	8,925	8,796	129	
3	Bổ sung trang thiết bị Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum	Trường Cao đẳng Cộng đồng	7925292	Kon Tum	53-01/4/2022	10,000	10,000	9,900	9,220	680.126	
4	Cải tạo, bổ sung cơ sở vật chất Trường Chính trị tỉnh Kon Tum	Trường Chính trị	7910948	Kon Tum	25-28/01/2022	10,000	10,000	9,900	9,552	348	
II.2	LĨNH VỰC Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH					60,000	60,000	4,602		4,602	
1	Nâng cấp Bệnh viện Y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng tỉnh Kon Tum lên 165 giường	Bệnh viện Y dược - PHCN	7814362	Kon Tum	126-10/02/2020; 311-03/4/2020	60,000	60,000	4,602		4,602	
II.3	LĨNH VỰC VĂN HÓA					19,096	19,096	3,000	175	2,825	
1	Trưng bày Bảo tàng ngoài trời	Sở Văn hóa, Thể thao và du lịch	7567298	Kon Tum	1310-06/12/2017; 1203-31/10/2018	19,096	19,096	3,000	175	2,825	
III	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT					2,228	2,228	1,375	965	411	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2022	Thực hiện giải ngân đến ngày 31/01/2023	Vốn còn lại chưa giải ngân	Ghi chú
					Số QĐ, ngày tháng năm	TMDT					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS Tỉnh				
1	Chi phí đấu giá dự án Khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng tại Trung tâm thể dục thể thao	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh	7939115	Kon Tum	327-01/5/2021; 682-30/12/2021; 219-25/4/2022	2,228	2,228	1,375	965	411	
IV	Nguồn tăng thu còn lại và tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2021					12,817	12,817	3,790	3,695	95	
1	Dự án: Cải tạo, sửa chữa khuôn viên, hồ nước tại Trụ sở Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	7954547	Kon Tum	48-22/3/2022; 127-11/4/2023	7,026	7,026	2,000	1,971	29	
2	Sửa chữa, mua sắm trang thiết bị Phòng họp trực tuyến Hội trường Ngọc Linh	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	7904208	Kon Tum	512-11/6/2021	5,791	5,791	1,790	1,724	66	
V	Phí sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng trong khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y					250,000	58,300	11,829	10,129	1,700	
1	Đường lên cột mốc biên giới Việt Nam - Lào - Campuchia	Ban quản lý khu kinh tế tỉnh	7179656	Ngọc Hồi	153-11/11/2009; 600-28/6/2017	250,000	58,300	11,829	10,129	1,700	

Biểu số 02

DANH MỤC DỰ ÁN DO CẤP TỈNH QUẢN LÝ ĐỀ XUẤT KÉO DÀI KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGÂN SÁCH NĂM 2022 SANG NĂM 2023

(Kèm theo Tờ trình số 39 /TTr-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2022	Thực hiện giải ngân đến ngày 31/01/2023	Vốn còn lại chưa giải ngân	Kế hoạch vốn năm 2022 giải ngân không hết xin kéo dài sang	Ghi chú	
					Số QĐ, ngày tháng năm	TMDT						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)						Trong đó: vốn NS Tỉnh
	TỔNG SỐ (I+II+III+IV)					1,480,749	799,275	241,130	168,768	72,363	55,130	
I	NGUỒN CÂN ĐỐI NSĐP THEO TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC QUY ĐỊNH TẠI QĐ 26/2020/QĐ-TTG (NGUỒN XÂY DỰNG CƠ BẢN VỐN TẬP TRUNG TRONG NƯỚC)					1,013,733	575,550	185,607	123,750	61,857	44,624	
I.1	BỐ TRÍ ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN ODA					592,946	154,763	16,837	6,326	10,512	10,512	
1	Đổi ứng dự án Chuyển đổi nông nghiệp bền vững (Vnsat)	Sở Nông nghiệp và PTNT	7555168	Toàn tỉnh	1992-29/05/2015; 642-3/3/2020; 2470-30/6/2020; 2988-6/8/2020	158,299	41,298	6,359	6,326	33	33	Dự án được bố trí kế hoạch vốn an toàn nhằm đưa vào sử dụng trong năm và không được bố trí vốn kế hoạch năm 2023. Do đó dự án phù hợp với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ.
2	Đổi ứng dự án Hồ chứa nước Đăk Pokei (giai đoạn 1)	BQL dự án đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT	7684480	Kon Rẫy, Kon Tum	1211-31/10/2018	434,647	113,465	10,478	10,478	10,478	10,478	Dự án phải tập trung thực hiện nguồn vốn năm 2021 kéo dài, mặc dù chủ đầu tư đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép trong quá trình triển khai thực hiện dự án để thực hiện, tuy nhiên không thể giải ngân hết kế hoạch được giao. Dự án phù hợp với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ.
I.2	NHIỆM VỤ QUY HOẠCH / NHIỆM VỤ KHÁC					58,748	58,748	23,218	985	22,233	5,000	
1	Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2020-2030 và định hướng đến năm 2050	Sở Kế hoạch và Đầu tư	7767694	Toàn tỉnh	752-05/8/2020	58,748	58,748	23,218	985	22,233	5,000	Nguyên nhân không giải ngân hết kế hoạch là do tính đặc thù của gói thầu tư vấn, thực hiện giải ngân theo khối lượng thực tế. Do quá trình lấy ý kiến các bộ, ngành địa phương mất rất nhiều thời gian, mặc dù chủ đầu tư đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép trong quá trình triển khai thực hiện dự án để thực hiện, tuy nhiên không thể giải ngân hết kế hoạch được giao. Dự án phù hợp với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ.
I.3	THỰC HIỆN DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NSĐP					362,039	362,039	145,551	116,439	29,112	29,112	
a)	Dự án chuyển tiếp					176,173	176,173	81,050	70,234	10,816	10,816	
1	Đường hầm Sở chỉ huy cơ bản huyện Ngọc Hồi	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	7004686	Ngọc Hồi	192-08/02/2017	32,978	32,978	3,200	2,775	425	425	Dự án được bố trí kế hoạch vốn an toàn nhằm đưa vào sử dụng trong năm và không được bố trí vốn kế hoạch năm 2023. Do đó dự án phù hợp với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ.
2	Nạo vét lòng hồ cung cấp nước cho Nhà máy nước sạch Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y (Hồ Lạc Long Quân)	Công ty Đầu tư phát triển hạ tầng Khu kinh tế tỉnh	7910485	Ngọc Hồi	1110-10/11/2020; 686-02/8/2021	14,997	14,997	10,850	10,626	224	224	Dự án được bố trí kế hoạch vốn an toàn nhằm đưa vào sử dụng trong năm và không được bố trí vốn kế hoạch năm 2023. Do đó dự án phù hợp với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ.

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2022	Thực hiện giải ngân đến ngày 31/01/2023	Vốn còn lại chưa giải ngân	Kế hoạch vốn năm 2022 giải ngân không hết xin kéo dài sang	Ghi chú	
					Số QĐ, ngày tháng năm	TMĐT						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)						Trong đó: vốn NS Tỉnh
3	Xây dựng mới hội trường Tỉnh ủy, các phòng họp và Trụ sở làm việc các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy	Văn phòng Tỉnh ủy	7896024	Kon Tum	438-21/5/2021	128,198	128,198	67,000	56,834	10,166	10,166	Dự án được bố trí kế hoạch vốn an toàn nhằm đưa vào sử dụng trong năm và không được bố trí vốn kế hoạch năm 2023. Do đó dự án phù hợp với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ.
b)	Dự án khởi công mới năm 2022					185,866	185,866	64,501	46,205	18,297	18,297	
(1)	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong năm 2022					21,500	21,500	17,960	11,926	6,034	6,034	
1	Cải tạo, sửa chữa phòng thí nghiệm, kiểm định và mua sắm thiết bị tại Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Dịch vụ khoa học và công nghệ tỉnh Kon Tum	Sở Khoa học và Công nghệ	7931310	Kon Tum	624-01/12/2021	13,000	13,000	11,592	5,777	5,815	5,815	Dự án được bố trí kế hoạch vốn an toàn nhằm đưa vào sử dụng trong năm và không được bố trí vốn kế hoạch năm 2023. Do đó dự án phù hợp với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ.
2	Trụ sở Hạt Kiểm lâm huyện Ia H'Drai	Chi cục Kiểm lâm	7898807	Ia H'Drai	621-01/12/2021	8,500	8,500	6,368	6,150	219	219	Dự án được bố trí kế hoạch vốn an toàn nhằm đưa vào sử dụng trong năm và không được bố trí vốn kế hoạch năm 2023. Do đó dự án phù hợp với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ.
(2)	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng sau năm 2022					164,366	164,366	46,541	34,278	12,263	12,263	
1	Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Kon Tum	Sở Nội vụ	7551864	Kon Tum	1044-10/11/2021	39,098	39,098	10,000	9,982	18	18	Mặc dù chủ đầu tư đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép trong quá trình triển khai thực hiện dự án để thực hiện, tuy nhiên không thể giải ngân hết kế hoạch được giao. Dự án phù hợp với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ.
2	Trung tâm Văn hóa nghệ thuật tỉnh Kon Tum	Sở Văn hóa, Thể thao và du lịch	7863854	Kon Tum	632-03/12/2021	90,000	90,000	3,000	2,350	650	650	Mặc dù chủ đầu tư đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép trong quá trình triển khai thực hiện dự án để thực hiện, tuy nhiên không thể giải ngân hết kế hoạch được giao. Dự án phù hợp với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ.
3	Đài quan sát chuyên trách 13K5-4 phòng không nhân dân huyện Ngọc Hồi	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	7004686	Ngọc Hồi	17-11/3/2022	3,760	3,760	3,710	1,754	1,956	1,956	Dự án được bố trí kế hoạch vốn an toàn nhằm đưa vào sử dụng trong năm và không được bố trí vốn kế hoạch năm 2023. Do đó dự án phù hợp với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ.
4	Bổ sung cơ sở vật chất cho Trường Trung học phổ thông Lương Thế Vinh, huyện Đăk Glei	Sở Giáo dục và Đào tạo	7898792	Đăk Glei	41-02/3/2022	6,470	6,470	5,831	4,731	1,100	1,100	Dự án được bố trí kế hoạch vốn an toàn nhằm đưa vào sử dụng trong năm và không được bố trí vốn kế hoạch năm 2023. Do đó dự án phù hợp với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ.
5	Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin cho các cơ quan Đảng tỉnh	Văn phòng Tỉnh ủy	7896025	Kon Tum	NQ-05-12/3/2021; 273-15/4/2022	25,038	25,038	24,000	15,462	8,538	8,538	Dự án được bố trí kế hoạch vốn an toàn nhằm đưa vào sử dụng trong năm và không được bố trí vốn kế hoạch năm 2023. Do đó dự án phù hợp với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ.
II	NGUỒN THU SỐ KIẾN THIẾT					209,990	158,399	41,695	32,918	8,777	8,777	
II.1	LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP					130,894	79,303	34,093	32,743	1,350	1,350	

STT	Dan mục dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2022	Thực hiện giải ngân đến ngày 31/01/2023	Vốn còn lại chưa giải ngân	Kế hoạch vốn năm 2022 giải ngân không hết xin kéo dài sang	Ghi chú	
					Số QĐ, ngày tháng năm	TMĐT						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)						Trong đó: vốn NS Tỉnh
1	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2, lớp 6 cho các cơ sở giáo dục thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018	Sở Giáo dục và Đào tạo	7898791	Toàn tỉnh	864-16/9/2021	101,591	50,000	5,368	5,175	193	193	Do nhiều yếu tố khách quan trong quá trình thực hiện. Mặc dù chủ đầu tư đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép trong quá trình triển khai thực hiện dự án để thực hiện, tuy nhiên không thể giải ngân hết kế hoạch được giao. Dự án phù hợp với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ.
2	Cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất cho Trường Phổ thông trung học Dân tộc nội trú tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	7898796	Kon Tum	44-11/3/2022	9,303	9,303	8,925	8,796	129	129	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm và không được bố trí vốn kế hoạch năm 2023. Do đó dự án phù hợp với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ.
3	Bổ sung trang thiết bị Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum	Trường Cao đẳng Cộng đồng	7925292	Kon Tum	53-01/4/2022	10,000	10,000	9,900	9,220	680	680	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm và không được bố trí vốn kế hoạch năm 2023. Do đó dự án phù hợp với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ.
4	Cải tạo, bổ sung cơ sở vật chất Trường Chính trị tỉnh Kon Tum	Trường Chính trị	7910948	Kon Tum	25-28/01/2022	10,000	10,000	9,900	9,552	348	348	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm và không được bố trí vốn kế hoạch năm 2023. Do đó dự án phù hợp với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ.
II.2	LĨNH VỰC Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH					60,000	60,000	4,602		4,602	4,602	
1	Nâng cấp Bệnh viện Y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng tỉnh Kon Tum lên 165 giường	Bệnh viện Y dược - PHCN	7814362	Kon Tum	126-10/02/2020; 311-03/4/2020	60,000	60,000	4,602		4,602	4,602	Nguyên nhân chậm giải ngân do gói thầu xây lắp chưa thực hiện xong nên không thể trình phê duyệt các gói thầu mua sắm thiết bị còn lại. Mặc dù chủ đầu tư đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép trong quá trình triển khai thực hiện dự án để thực hiện, tuy nhiên không thể giải ngân hết kế hoạch được giao. Dự án phù hợp với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ.
II.3	LĨNH VỰC VĂN HÓA					19,096	19,096	3,000	175	2,825	2,825	
1	Trung bày Bảo tàng ngoài trời	Sở Văn hóa, Thể thao và du lịch	7567298	Kon Tum	1310-06/12/2017; 1203-31/10/2018	19,096	19,096	3,000	175	2,825	2,825	Nguyên nhân chậm giải ngân do dự án phải thực hiện điều chỉnh nên làm chậm tiến độ. Mặc dù chủ đầu tư đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép trong quá trình triển khai thực hiện dự án để thực hiện, tuy nhiên không thể giải ngân hết kế hoạch được giao. Dự án phù hợp với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ.
III	Nguồn tăng thu còn lại và tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2021					7,026	7,026	2,000	1,971	29	29	
1	Dự án: Cải tạo, sửa chữa khuôn viên, hồ nước tại Trụ sở Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	7954547	Kon Tum	48-22/3/2022; 127-11/4/2023	7,026	7,026	2,000	1,971	29	29	Mặc dù chủ đầu tư đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép trong quá trình triển khai thực hiện dự án để thực hiện, tuy nhiên không thể giải ngân hết kế hoạch được giao. Dự án phù hợp với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ.
IV	Phí sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng trong khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y					250,000	58,300	11,829	10,129	1,700	1,700	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2022	Thực hiện giải ngân đến ngày 31/01/2023	Vốn còn lại chưa giải ngân	Kế hoạch vốn năm 2022 giải ngân không hết xin kéo dài sang	Ghi chú
					Số QĐ, ngày tháng năm	TMĐT						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS Tỉnh					
1	Đường lên cột mốc biên giới Việt Nam - Lào - Campuchia	Ban quản lý khu kinh tế tỉnh	7179656	Ngọc Hồi	153-11/11/2009; 600-28/6/2017	250,000	58,300	11,829	10,129	1,700	1,700	Dự án được bố trí kế hoạch vốn đề toán trình đưa vào sử dụng trong năm và không được bố trí vốn kế hoạch năm 2023. Do đó dự án phù hợp với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ.

Biểu số 03**TỔNG HỢP CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2022 ĐỀ NGHỊ
PHÂN BỐ NĂM 2023***(Kèm theo Tờ trình số 39 /TTr-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)**ĐVT: Triệu đồng*

TT	Nguồn vốn	Vốn còn lại chưa phân bổ					Ghi chú
		Tổng số	Thuộc kế hoạch năm 2022		Thuộc kế hoạch năm 2021 kéo dài		
			Tổng số	Đã phân bổ chi tiết		Chưa phân bổ chi tiết	
	TỔNG SỐ	107,314	100,878	18,494	82,384	6,436	
*	Nguồn ngân sách địa phương (I+II)	107,314	100,878	18,494	82,384	6,436	
I	Vốn chuyển nguồn tại QĐ số 130-14/4/2023	31,273	24,837	18,494	6,343	6,436	
(1)	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức	20,056	18,017	18,017		2,039	
(2)	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	11,151	6,754	411	6,343	4,397	
(3)	Nguồn tăng thu còn lại và tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2021	66	66	66			
II	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi năm 2022	76,041	76,041		76,041		Ủy ban nhân dân tỉnh đang trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh
(1)	Nguồn tăng thu xổ số kiến thiết ngân sách tỉnh	49,229	49,229		49,229		
(2)	Nguồn tăng thu còn lại và tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2022	26,812	26,812		26,812		

Biểu số 04

ĐỀ NGHỊ PHÂN BỐ KẾ HOẠCH NĂM 2023 TỪ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2022 CHƯA PHÂN BỐ CHI TIẾT

(Kèm theo Tờ trình số 39 /TTr-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn/ Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2023 đã	Kế hoạch năm 2023	Trong đó		Ghi chú
				Số QĐ, ngày tháng năm phê duyệt	Tổng mức đầu tư			Tăng	Giảm	
	Tổng cộng				1,538,955	146,409	253,723	107,314		
I	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức				564,145	12,409	32,465	20,056		
1	Đối ứng dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Kon Tum	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Toàn tỉnh	669-14/7/2017	564,145	12,409	32,465	20,056		
II	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất				75,000	20,000	31,151	11,151		
1	Trụ sở làm việc các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp	Kon Tum	910-28/10/2015; 51-25/01/2021	75,000	20,000	31,151	11,151		
III	Nguồn tăng thu còn lại và tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2021				9,833		66	66		
1	Mua sắm, sửa chữa trang thiết bị bàn, ghế và các trang thiết bị khác tại Hội trường Ngọc Linh	Văn phòng UBND tỉnh	Kon Tum	190-31/12/2022	9,833		66	66		
III	Nguồn tăng thu xổ số kiến thiết ngân sách tỉnh				313,866	14,000	63,229	49,229		
1	Nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Ia H'Drai (Hạng mục: Xây dựng bệnh viện Đa khoa huyện 60 giường bệnh)	Sở Y tế	Ia H'Drai	702-03/8/2021	112,775		13,459	13,459		
2	Nhà thi đấu tổng hợp tỉnh Kon Tum	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Kon Tum	1387-12/12/2018; 1465-23/12/2019 939-25/9/2020	99,500	14,000	24,000	10,000		
3	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2, lớp 6 cho các cơ sở giáo dục thực hiện Chương trình giáo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Toàn tỉnh	864-16/9/2021	101,591		25,770	25,770		(*)

TT	Nguồn vốn/ Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2023 đã	Kế hoạch năm 2023	Trong đó		Ghi chú
				Số QĐ, ngày tháng năm phê duyệt	Tổng mức đầu tư			Tăng	Giảm	
IV	Nguồn tăng thu còn lại và tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2022				576,111	100,000	126,812	26,812		
1	Dự án Đường Trường Chinh (đoạn từ đường Phan Đình Phùng đến đường Đào Duy Từ - phạm vi cầu nối qua sông Đăk Bla)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp	Kon Tum	985-13/9/2019; 826-06/9/2021	457,126	100,000	102,912	2,912		
2	Đầu tư cơ sở hạ tầng tại các điểm định canh định cư tập trung theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ	Ban Dân tộc		538-25/9/2020; 575-07/9/2021; NQ 28 - 12/7/2022	102,126		11,874	11,874		
3	Cải tạo, sửa chữa khuôn viên, hồ nước tại Trụ sở Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	Kon Tum	48-22/3/2022; 127-11/4/2023	7,026		5,026	5,026		
4	Mua sắm, sửa chữa trang thiết bị bàn, ghế và các trang thiết bị khác tại Hội trường Ngọc Linh	Văn phòng UBND tỉnh	Kon Tum	190-31/12/2022	9,833		7,000	7,000		

Ghi chú: (*) Dự án Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2, lớp 6 cho các cơ sở giáo dục thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018: hiện nay Ủy ban nhân dân tỉnh đang trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án.

Biểu số 05

DANH MỤC DỰ ÁN ĐỀ XUẤT KÉO DÀI KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 SANG NĂM 2023 THUỘC NGUỒN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ

(Kèm theo Tờ trình số 39 /TTr-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Mã số dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2022	Thực hiện giải ngân đến 31/01/2023	Kế hoạch còn lại chưa giải ngân	Đề nghị kéo dài sang năm 2023	Ghi chú
			Số QĐ - ngày /tháng/ năm	Tổng mức đầu tư					
	TỔNG SỐ			120,932	35,743	31,890	3,853	3,853	
I	Hỗ trợ có mục tiêu đầu tư chỉnh trang đô thị			102,389	25,048	22,063	2,985	2,985	
1	Chỉnh trang đô thị, cải tạo vỉa hè, hệ thống thoát nước, cây xanh và hệ thống điện đường Bà Triệu (đoạn Hoàng Thị Loan - Nguyễn Viết Xuân), thành phố Kon Tum	7896613	206-25/01/2021	102,389	25,048	22,063	2,985	2,985	
II	Nguồn tăng thu ngân sách tỉnh hỗ trợ năm 2021			2,337	2,337	2,008	329	329	
1	Trồng cây xanh tuyến đường bao khu dân cư phía Nam, thành phố Kon Tum	8004630	4522-01/12/2022	2,337	2,337	2,008	329	329	
III	Nguồn thu xổ số kiến thiết			3,600	3,300	3,156	144	144	
1	Trường Mầm non Hoa Pơ Lang, thành phố Kon Tum	7920775	3056-01/12/2020	3,600	3,300	3,156	144	144	
IV	Nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai năm 2021			3,700	3,700	3,576	124	124	
1	Tuyến đường bê tông, thôn Kon Rơ Bàng 1, xã Vinh Quang (bên hông nhà máy đường) do ảnh hưởng mưa bão năm 2021.	7969983	2223-21/6/2022	2,300	2,300	2,226	74	74	
2	Khắc phục sạt lở Cống thoát nước đường bê tông số 02, thôn Kon Tum K'Năm, xã Đăk Rơ Wa do ảnh hưởng mưa bão năm 2021.	7970126	2213-21/6/2022	1,400	1,400	1,350	50	50	

STT	Đơn vị	Mã số dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2022	Thực hiện giải ngân đến 31/01/2023	Kế hoạch còn lại chưa giải ngân	Đề nghị kéo dài sang năm 2023	Ghi chú
			Số QĐ - ngày /tháng/ năm	Tổng mức đầu tư					
V	Nguồn tăng thu ngân sách thành phố			8,906	1,358	1,087	271	271	
1	Phương án hỗ trợ trồng rừng sản xuất trên đất trống, đồi trọc trên địa bàn thành phố năm 2022	7966862	2216-21/6/2022	7,753	258	44	214	214	
2	Cải tạo, sửa chữa hệ thống Đài phun nước, Công viên Giọt nước Đắk Bla, phường Quyết Thắng, thành phố Kon Tum.	7974955	819- 15/3/2022	1,153	1,100	1,043	57	57	

Biểu số 06**DANH MỤC DỰ ÁN ĐỀ XUẤT KÉO DÀI KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 SANG NĂM 2023 THUỘC NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN ĐẮK HÀ***(Kèm theo Tờ trình số 39 /TTr-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)**DVT: Triệu đồng*

TT	Danh mục dự án	Mã số dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2022	Thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn đến 31/01/2022	Kế hoạch còn lại chưa giải ngân	Đề nghị kéo dài sang năm 2023	Ghi chú
			Số QĐ - ngày /tháng/ năm	Tổng mức đầu tư					
	TỔNG SỐ			62,239	23,172	21,664	1,507	460	
I	Phân cấp cân đối theo tiêu chí quy định tại Nghị quyết số 63/2020/NQ-HĐND tỉnh			1,500	1,500	1,485	15	15	
1	Đầu tư mới và nâng cấp hệ thống truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông trên địa bàn thị trấn; xã Đắk Pxi; xã Đắk Mar; xã Ngọc Réo; xã Ngọc	7979395	1149; 29/9/2022	1,500	1,500	1,485	15	15	
II	Phân cấp hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp			5,852	5,543	5,408	135	62	
1	Cụm Công nghiệp Đắk Mar	7955295	370; 28/4/2022	5,852	5,543	5,408	135	62	
III	Nguồn thu Xổ số kiến thiết NS tỉnh (lồng ghép thực hiện NTM)			2,128	2,108	1,927	181	12	
1	Trường Mẫu giáo xã Ngọc Wang	7952954	340; 20/4/2022	2,128	2,108	1,927	181	12	
IV	Nguồn thu sử dụng đất			51,259	12,520	11,380	1,140	356	
1	Đường vào bãi xử lý rác thải huyện Đắk Hà	7956352	219; 18/3/2022	2,856	2,668	2,568	100	69	
2	Trường TH&THCS xã Đắk Ui (giai đoạn 1)	7955296	417; 09/5/2022	4,995	2,791	2,662	129	87	

TT	Danh mục dự án	Mã số dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2022	Thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn đến 31/01/2022	Kế hoạch còn lại chưa giải ngân	Đề nghị kéo dài sang năm 2023	Ghi chú
			Số QĐ - ngày /tháng/ năm	Tổng mức đầu tư					
3	Sửa chữa, nâng cấp Đường Hai Bà Trưng, thị trấn Đắk Hà; Hạng mục: Nền, mặt đường, vỉa hè đường, công trình thoát nước và ATGT	7905009	793; 08/6/2021	21,188	5,116	4,228	888	191	
4	Đường GTNT từ thôn 9 đi thôn 7, xã Đắk Hring, huyện Đắk Hà	7813096	1066; 08/5/2021	22,220	1,945	1,924	22	9	
VI	Nguồn vốn tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2021			1,500	1,500	1,465	35	15	
1	Lắp đặt Hệ thống Camera giám sát an ninh huyện Đắk Hà (giai đoạn 2)	7004692	1391; 14/11/2022	1,500	1,500	1,465	35	15	

Biểu số 08**DANH MỤC DỰ ÁN ĐỀ XUẤT KÉO DÀI KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 SANG NĂM 2023 THUỘC NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN NGỌC HỒI***(Kèm theo Tờ trình số 39 /TTr-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)**DVT: Triệu đồng*

STT	Danh mục Dự án	Mã số dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2022	Thực hiện giải ngân đến 31/01/2023	Kế hoạch còn lại chưa giải ngân	Đề nghị kéo dài sang năm 2023	Ghi chú
			Số QĐ - ngày /tháng/	Tổng mức đầu tư					
	TỔNG CỘNG			86,378	15,776	12,858	2,918	6,259	
I	Phân cấp hỗ trợ xây dựng nông thôn mới			2,165	1,923	1,911	12	12	
1	Trường Tiểu học xã Đắk Ang (Xây mới 02 phòng chức năng và các hạng mục khác)	7905415	1852-21/09/2021	2,165	1,923	1,911	12	12	
II	Nguồn thu tiền sử dụng đất			74,723	10,653	9,247	1,406	4,618	
1	Hỗ trợ trồng rừng sản xuất trên đất trống, đồi trọc, đất bạc màu trên địa bàn huyện Ngọc Hồi	7957361	1023-26/07/2022	27,373	2,264	1,089	1,175	450	
2	Cải tạo công viên Thị trấn PleiKần	7987892	1637-9/11/2022	14,900	3,419	3,419		2,943	
3	Trường bắn, thao trường huấn luyện huyện Ngọc Hồi	7004686	216-25/2/2022	9,300	2,400	2,400		444	
4	Nhà làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Đắk Kan	7,957,986	1638-19/11/2022	1,350	509	354	155	155	
5	Trường bắn, thao trường huấn luyện huyện Ngọc Hồi	7,004,686	1037-28/07/2022	9,300	500	500		500	
6	NC, SC hệ thống thoát nước đường Hùng Vương, thị trấn PleiKần	7791358	1237-29/10/2019	9,000	356	281	75	75	
7	Nâng cấp, mở rộng trường THCS Đắk Dục, xã Đắk Dục		1174-17/08/2022	3,500	1,205	1,205		50	
III	Nguồn tăng thu ngân sách huyện			9,490	3,200	1,700	1,500	1,629	

STT	Danh mục Dự án	Mã số dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2022	Thực hiện giải ngân đến 31/01/2022	Kế hoạch còn lại chưa giải ngân	Đề nghị kéo dài sang năm 2023	Ghi chú
			Số QĐ - ngày /tháng/	Tổng mức đầu tư					
1	Nâng cấp trụ sở Đảng ủy HĐND-UBND xã Sa Loong	7939770	2516-13/12/2021	7,500	1,700	1,700		129	
2	Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông thôn Thung Nai, xã Đắk Xú	8012486	1905-30/12/2022	1,990	1,500		1,500	1,500	

Biểu số 09**DANH MỤC DỰ ÁN ĐỀ XUẤT KÉO DÀI KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 SANG NĂM 2023 THUỘC NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN ĐẮK GLEI**

(Kèm theo Tờ trình số 39 /TTr-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã số dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2022	Thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đến	Kế hoạch còn lại chưa giải ngân	Đề nghị kéo dài sang năm 2023	Ghi chú
			Số QĐ - ngày /tháng/	Tổng mức đầu tư					
	TỔNG CỘNG (A+B+C)			26,392	2,059	1,652	407	407	
I	Nguồn tăng thu ngân sách huyện			26,392	2,059	1,652	407	407	
1	Dự án hỗ trợ trồng rừng sản xuất trên đất trồng, đồi núi, đá bạc màu trên địa bàn huyện Đắk Glei năm 2022	7977044	318-31/8/2022	26,392	2,059	1,652	407	407	

Biểu số 10**DANH MỤC DỰ ÁN ĐỀ XUẤT KÉO DÀI KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 SANG NĂM 2023 THUỘC NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN KON PLÔNG***(Kèm theo Tờ trình số 39 /TTr-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)**ĐVT: Triệu đồng*

TT	Danh mục dự án/nguồn vốn	Mã số dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2022	Thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đến 31/01/2023	Kế hoạch còn lại chưa giải ngân	Đề nghị kéo dài sang năm 2023	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					
	TỔNG SỐ			112,689	49,100	8,771	40,329	40,154	
I	Nguồn thu tiền sử dụng đất			65,760	19,400	2,162	17,238	17,238	
1	Đường từ trung tâm huyện kết nối đường Đông Trường Sơn	7930585	485-24/08/2022	60,810	14,450	503	13,947	13,947	
2	Sửa chữa, nâng cấp trụ sở làm việc Bộ Chỉ huy quân sự huyện Kon Plông	7956493	1022-19/09/2022	4,950	4,950	1,659	3,291	3,291	
II	Nguồn tăng thu ngân sách huyện			33,268	22,805	5,475	17,330	17,330	
1	Sửa chữa nhà rông văn hóa thôn Kon Pring	7979394	700-22/07/2022	500	500		500	500	
2	Kè chống sạt lở thôn Kon Plinh xã Hiếu, huyện Kon Plông tỉnh Kon Tum	7968730	1037-21/09/2022	9,361	4,300		4,300	4,300	
3	Đường giao thông nội thôn Xô Luông (bao gồm thôn Vương cũ)	7983407	1147-25/10/2022	1,500	1,500	378	1,122	1,122	
4	Đường GTNT thôn Đăk Y Pai	7994270	1259-18/11/2022	2,200	2,200	142	2,058	2,058	
5	Nước sinh hoạt thôn Măng Pành (nhóm Măng mô)	7984483	1141-25/10/2022	1,043	1,040	110	930	930	
6	Nước sinh hoạt thôn Măng cảnh	7985627	1140-25/10/2022	799	790	90	700	700	
7	Đường đi khu sản xuất thôn Kíp Plinh	7985616	1173-31/10/2022	3,000	3,000	940	2,060	2,060	

TT	Danh mục dự án/nguồn vốn	Mã số dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2022	Thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đến 31/01/2022	Kế hoạch còn lại chưa giải ngân	Đề nghị kéo dài sang năm 2023	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					
8	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng Đường từ QL 24 đi vào thôn Vi Ô Lăk	7979045	1128-19/10/2022	1,500	1,500	77	1,423	1,423	
9	Đường đi khu sản xuất thôn Kon Vơng Kia	7990790	987-08/09/2022	1,000	1,000	85	915	915	
10	Giếng nước sinh hoạt tại các thôn xã Hiếu	7974064	1017-16/09/2022	1,250	1,250	1,052	198	198	
11	Đường đi khu sản xuất nước Zét thôn Kon Klùng	7982838	1126-19/10/2022	2,785	2,785	877	1,908	1,908	
12	Đường đi khu sản xuất cánh đồng Nước Rong	7982839	1125-19/10/2022	1,440	1,440	459	981	981	
13	Quy hoạch chung thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum đến năm 2035	7982870	192-12/04/2022	6,890	1,500	1,264	236	236	
III	Phân cấp hỗ trợ xây dựng nông thôn mới			4,300	1,895	658	1,237	1,062	
1	Trường THCS Măng Đen	7930055	448-11/05/2022	4,300	1,895	658	1,237	1,062	
IV	Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ khắc phục bão lũ			9,361	5,000	476	4,524	4,524	
1	Kè chống sạt lở thôn Kon Plinh xã Hiếu, huyện Kon Plông tỉnh Kon Tum	7968730	1037-21/09/2022	9,361	5,000	476	4,524	4,524	

Biểu số 11

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐỀ XUẤT KÉO DÀI KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 SANG NĂM 2023 THUỘC NGUỒN
NGÂN SÁCH HUYỆN SA THẦY**

(Kèm theo Tờ trình số 39 /TTr-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/nguồn vốn	Mã số dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2022	Thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đến 31/01/20	Kế hoạch còn lại chưa giải ngân	Đề nghị kéo dài sang năm 2023	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					
	TỔNG CỘNG			139592	10995	9157	1838	1838	
I	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT			129200	4760	3169	1591	1591	
1	Dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ giãn dân tại làng Xộp, xã Mô Rai, huyện Sa Thầy	7853979	700- 26/7/2020	123000	1568		1568	1568	
2	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc Huyện ủy Sa Thầy và các hạng mục phụ trợ	7945408	73/QĐ-UBND 20/01/2022	6200	3192	3169	23	23	
II	TĂNG THU NGÂN SÁCH HUYỆN			8081	3924	3722	202	202	
1	Nhà văn hóa xã Ya Ly và các hạng mục phụ trợ	7951444	497- 06/04/2022	1400	1322	1298	24	24	
2	Dự án hỗ trợ trồng rừng sản xuất trên đất trống đồi núi trọc đất bạc màu trên địa bàn huyện Sa Thầy năm 2022	7971597	1161- 01/8/2020	4681	2102	1972	130	130	
3	Đường giao thông vào khu di tích lịch sử điểm cao 1015 xã Rờ Koi huyện Sa Thầy	7971157	1403- 29/08/2022	2000	500	453	47	47	
III	DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2022			2311	2311	2266	45	45	
1	Cống thoát nước ngang đường và rãnh thoát nước tại thôn Kiến Hưng xã Ya Ly	7976392	1566- 27/09/2022	600	600	592	8	8	
2	Khắc phục sửa chữa cống thoát nước thuộc đường đi khu sản xuất Ya Út xã Ya Tăng.	7997854	063-08/12/2022	619	619	609	10	10	
3	Khắc phục sửa chữa tường rào trụ sở Huyện ủy	7999228	1716- 19/10/2022	292	292	274	18	18	
4	Xây dựng cống thoát nước ngang đường tại vị trí nút giao giữa đường Trần Hưng Đạo và đường Trường Chinh thị trấn Sa Thầy huyện Sa Thầy	7976423	1563- 27/09/2022	800	800	791	9	9	

Biểu số 12

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐỀ XUẤT KÉO DÀI KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 SANG NĂM 2023 THUỘC NGUỒN
NGÂN SÁCH HUYỆN IA HD'RAI**

(Kèm theo Tờ trình số 39 /TTr-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Mã số dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2022	Thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đến 31/01/2023	Kế hoạch còn lại chưa giải ngân	Đề nghị kéo dài sang năm 2023	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban	Tổng mức đầu tư					
	Tổng cộng			67,776	30,546	29,071	1,474	1,474	
I	Nguồn phân cấp cân đối theo tiêu chí quy định tại Nghị quyết số 63/2020/NQ-HĐND tỉnh			3,808	2,818	2,640	178	178	
1	Đường ĐĐT30 (N52-N54)	7909588	95-24/3/2021	3,808	2,818	2,640	178	178	
II	Nguồn đầu tư các công trình cấp bách			11,163	2,500	2,144	356	356	
1	Trường Tiểu học - THCS Nguyễn Du, xã Ia Dom huyện Ia H'Drai (Phòng học, phòng bộ môn, thư viện, thiết bị)	7928807	202-22/7/2021	11,163	2,500	2,144	356	356	
III	Nguồn thu tiền sử dụng đất			52,805	25,228	24,287	941	941	
1	Dự án khai thác quỹ đất để phát triển kết cấu hạ tầng, bố trí dân cư dọc hai bên Quốc lộ 14C (Đoạn điểm dân cư số 41 - Trung tâm hành chính xã Ia Tơi)	7866531	668-31/12/2019	26,351	12,353	12,044	309	309	
2	Trường mầm non Tuổi Ngọc (Phòng học, phòng chức năng, bếp ăn, nhà công vụ)	7913664	235-20/08/2021	8,000	760	646	114	114	
3	Trường mầm non Hoa Mai (Phòng học, bếp ăn và hạng mục phụ trợ khác)	7913665	237-20/08/2021	4,340	2,495	2,437	58	58	

STT	Nội dung	Mã số dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2022	Thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đến 31/01/2023	Kế hoạch còn lại chưa giải ngân	Đề nghị kéo dài sang năm 2023	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban	Tổng mức đầu tư					
4	Trường mầm non Măng Non (Bếp ăn, nhà công vụ)	7916553	248-08/9/2021	5,160	2,695	2,576	119	119	
5	Bãi rác tập trung (hạng mục : Đường và các công trình phụ trợ)	7959332	77-28/3/2022	1,292	1,177	1,147	30	30	
6	Sửa chữa trụ sở Mặt trận tổ quốc Việt Nam huyện Ia H'Drai	7897882	134-13/05/2021	4,155	2,640	2,540	100	100	
7	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Du lịch lịch và Truyền thông	7897881	125-11/05/2021	1,285	1,040	981	59	59	
8	Dự án Hỗ trợ trồng rừng sản xuất tập trung trên địa bàn xã Ia Đal năm 2022	7987893	377-26/10/2022	300	145	132	13	13	
9	Cống bản qua đường đi sản xuất thôn 9, Ia Tơi; Hạng mục: Cổng bản và đường dẫn hai đầu cống bản	7959335	63-09/6/2022	1,198	1,198	1,112	85	85	
10	Hệ thống thoát nước công trình điểm dân cư 41 mở rộng	7972264	101-08/9/2022	724	724	672	53	53	

Biểu số 13

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐỀ XUẤT KÉO DÀI KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 SANG NĂM 2023 THUỘC
NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN KON RẪY**

(Kèm theo Tờ trình số 39 /TTr-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn/ Danh mục dự án	Mã số dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2022	Thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đến 31/01/2023	Kế hoạch còn lại chưa giải ngân	Đề nghị kéo dài sang năm 2023	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					
	TỔNG SỐ			15,685	6,699	5,500	1,199	1,199	
I	Phân cấp đầu tư theo tiêu chí định mức quy định tại Nghị quyết HĐND tỉnh			3,400	2,613	2,349	264	264	
1	Xây mới thủy lợi Nước Muối, xã Đăk Tơ Lung, huyện Kon Rẫy; hạng mục: Cùm đầu mối, kênh và công trình trên kênh	7861783	377-16/9/2020	3,400	2,437	2,349	88	88	
2	Kinh phí quyết toán chưa phân bổ				176		176	176	
II	NGUỒN THU SỐ KIẾN THIẾT (hỗ trợ đối ứng xây dựng NTM)			4,400	1,020	979	41	41	
1	Trường Tiểu học Tân Lập (điểm chính), huyện Kon Rẫy; hạng mục: Xây mới 04 phòng chức năng + 01 nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ	7885656	25-22/1/2021	4,400	1,020	979	41	41	
III	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT			6,600	1,500	988	512	512	
1	Dự án lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Kon Rẫy	7980395	921-31/8/2022	6,600	1,000	988	12	12	
2	Lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện giai đoạn 2021-2030 và Lập kế hoạch sử dụng đất cấp huyện năm 2022				500		500	500	
IV	Nguồn tăng thu ngân sách huyện			1,285	1,567	1,185	382	382	
1	Nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước, vỉa hè khu vực Quảng trường Trung tâm huyện (Kon Brai)	7966034	640-27/6/2022	1,200	1,200	1,185	15	15	
2	Đường Giao thông Trung tâm thị trấn huyện lỵ Kon Rẫy (Khu Thương mại - Giáo dục và Dân cư phía Tây) - (Thực hiện hồ sơ	7982879	33-9/7/2021	85	367		367	367	

Biểu số 14

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐỀ XUẤT KÉO DÀI KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 SANG NĂM 2023 THUỘC NGUỒN
NGÂN SÁCH HUYỆN TU MƠ RÔNG**

(Kèm theo Tờ trình số 39 /TTr-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Mã số dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2022	Thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đến 31/01/2023	Kế hoạch còn lại chưa giải ngân	Đề nghị kéo dài sang năm 2023	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					
	TỔNG SỐ			106,334	3,664	1,466	1,466	2,198	
I	Phân cấp cân đối theo tiêu chí tại Nghị quyết số 63/202/NQ-HĐND			1,150	12			12	
1	Hội trường đa năng xã Ngọc Lâu	7906655	255-27/05/2021	1,150	12			12	
II	Phân cấp đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất trong cân đối			55,540	1,658	1,466	1,466	192	
1	Hệ thống cống thoát nước; trồng cây xanh; khuôn viên vườn hoa; hệ thống điện chiếu sáng khu trung tâm huyện	8004152	1193-09/12/2020	5,040	218	187	187	31	
2	Hỗ trợ có mục tiêu để thực hiện nhiệm vụ Chi đo đạc, cấp giấy chứng nhận, quản lý đất đai, kế hoạch sử dụng đất...			1,000	1,000	853	853	147	
3	Nước sinh hoạt Trung tâm huyện Tu Mơ Rông	7633474	1145-31/10/2017	49,500	440	425	425	15	
III	Nguồn tăng thu ngân sách huyện			49,644	1,994			1,994	
1	Nước sinh hoạt Trung tâm huyện Tu Mơ Rông	7633474	1145-31/10/2017	49,500	1,850			1,850	
2	Sửa chữa nâng cấp nhà vệ sinh trụ sở HĐND huyện	8003901	609-01/12/2022	144	144			144	